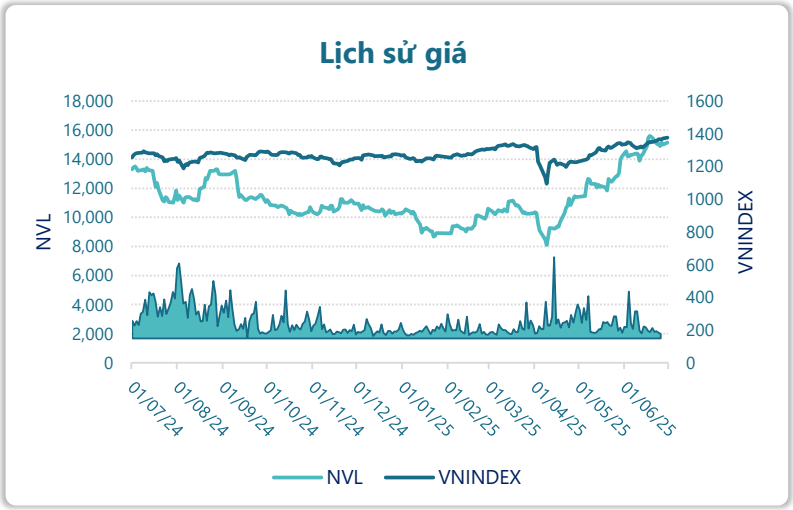
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HSX: NVL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,907,135
% sở hữu nước ngoài	9.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,544
P/E	141.5
EPS	107

DT thuần

Q2/25

1,937

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 159| 8.9%

YoY: ▲ 350| 22.0%

LN sau thuế

Q2/25

-190

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 286| 60.1%

YoY: ▲ 6,536| 97.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-5.4%

+/- YoY: ▲ 397%

DT thuần

6T 2025

3,715

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,430| 62.6%

LN sau thuế

6T 2025

-666

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6,661| 90.9%

ROE

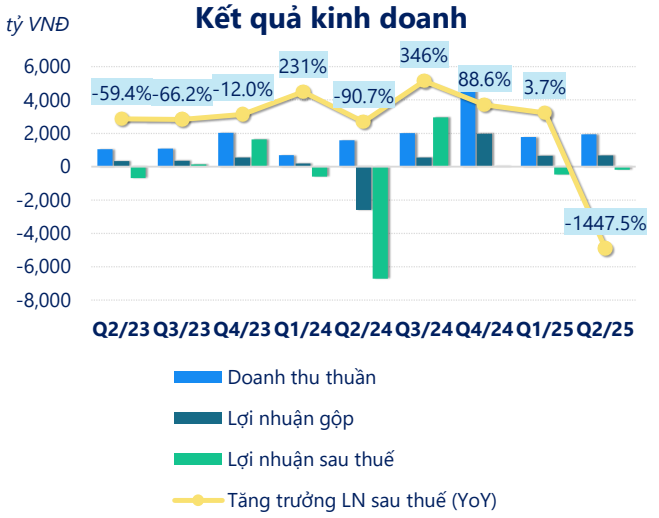
Q2/25

0.5%

+/- YoY: ▲ 13.7%

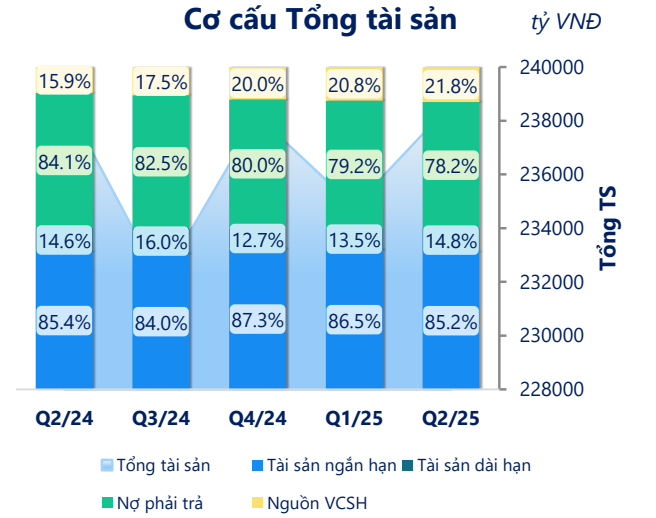
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



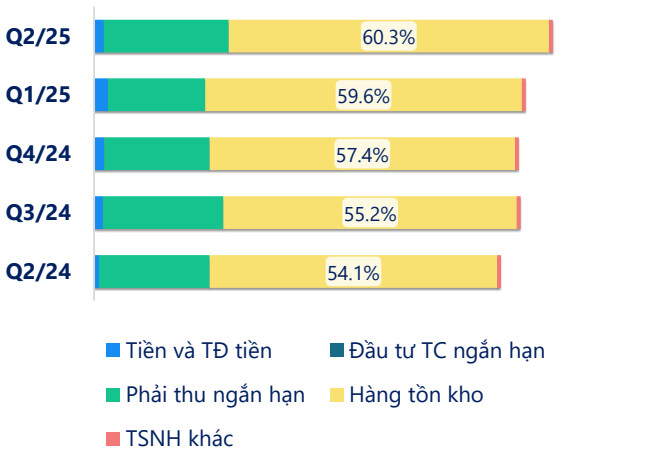
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



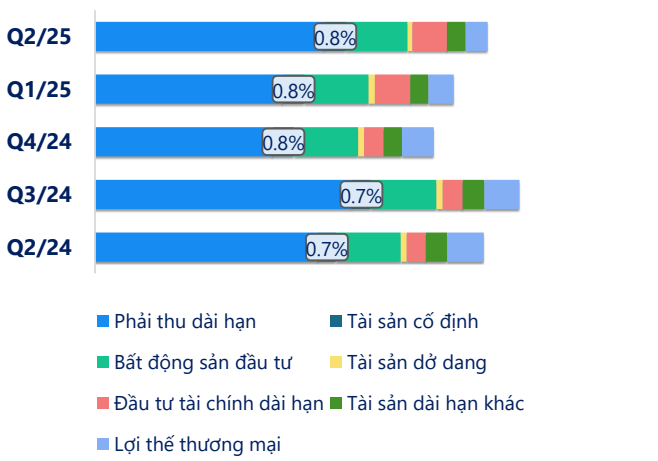
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



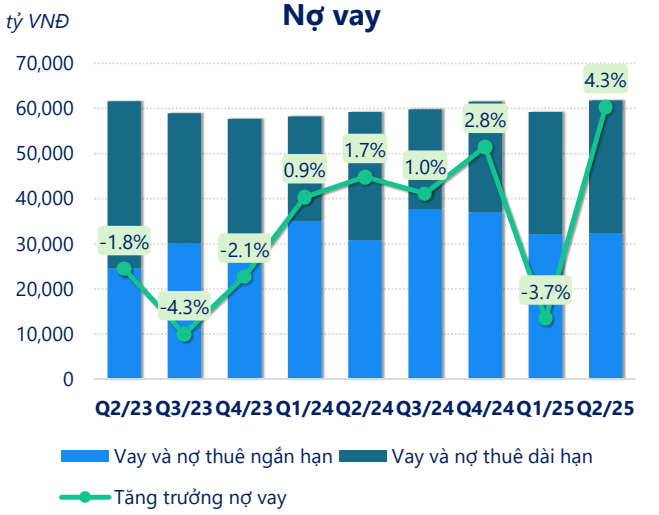
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



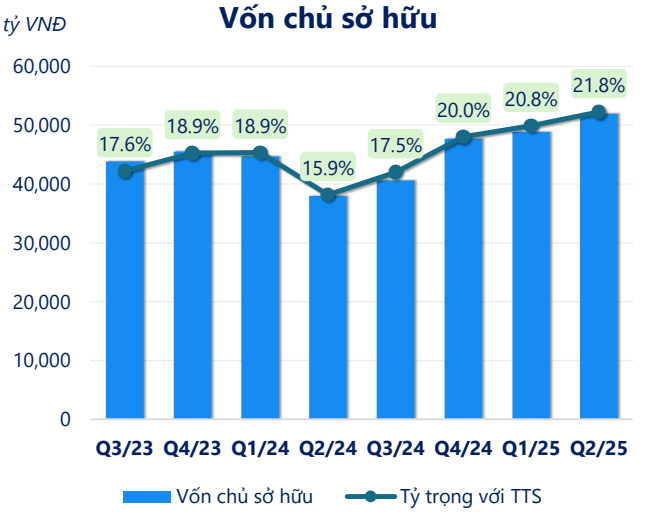
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



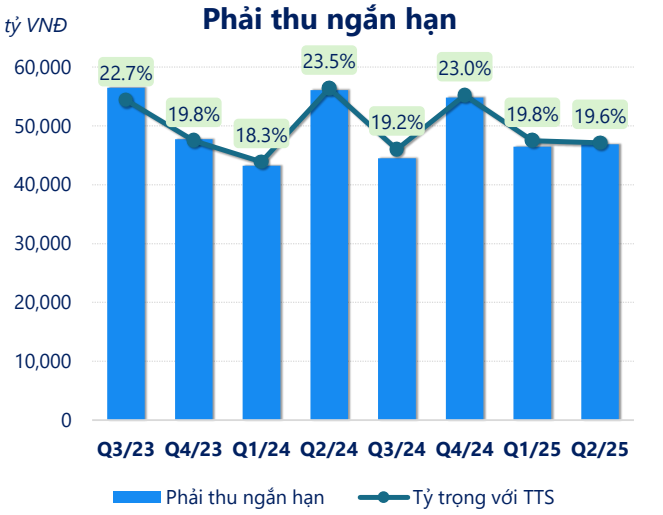
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



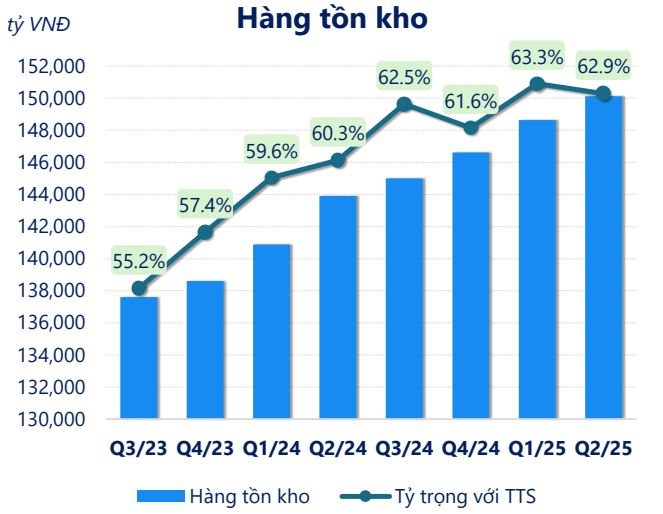
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



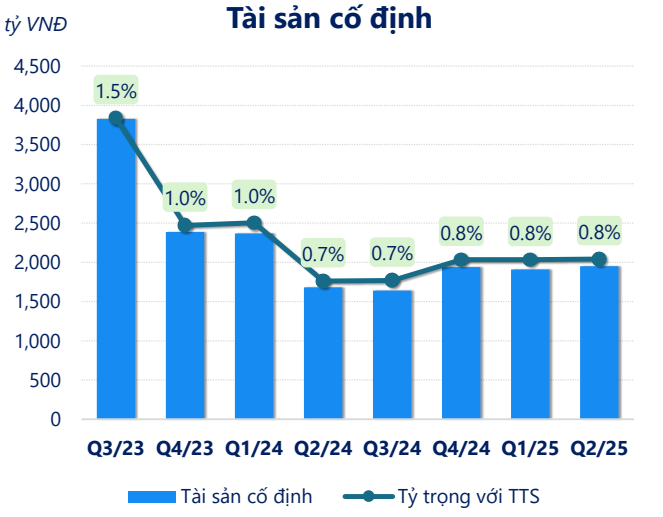
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



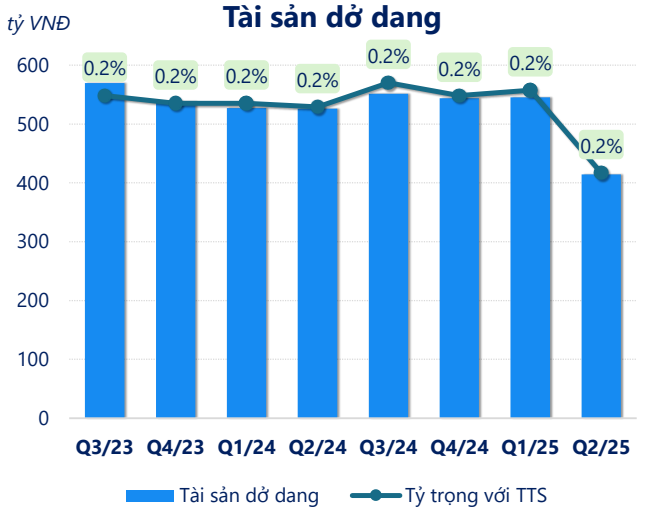
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



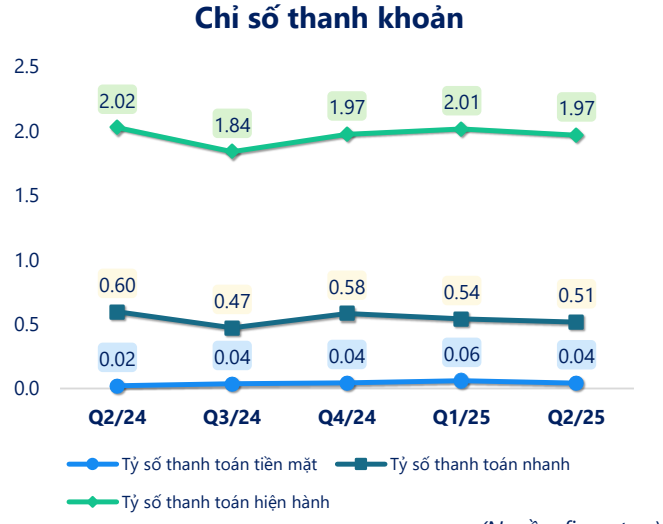
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



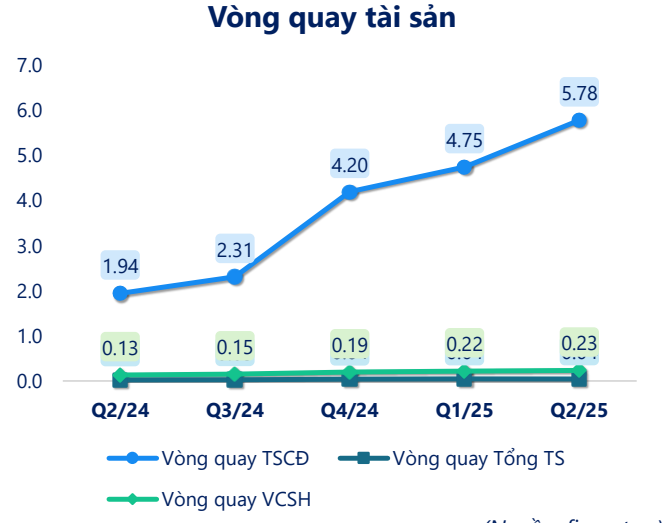
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**238,792**	**232,029**	**238,181**	**234,807**	**238,619**
Tài sản ngắn hạn	**203,872**	**194,988**	**207,831**	**203,124**	**203,376**
Tiền và tương đương tiền	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.7	33.0	31.2	42.5	43.7
Phải thu ngắn hạn	56,082	44,489	54,818	46,465	46,874
Hàng tồn kho	143,903	145,006	146,611	148,639	150,113
Tài sản ngắn hạn khác	1,712	1,640	1,764	1,894	2,040
Tài sản dài hạn	**34,920**	**37,041**	**30,350**	**31,682**	**35,243**
Phải thu dài hạn	19,996	22,432	15,910	16,588	20,592
Tài sản cố định	1,682	1,641	1,938	1,909	1,950
Bất động sản đầu tư	5,785	5,730	5,737	5,680	5,526
Tài sản dở dang	526	551	544	545	414
Đầu tư tài chính dài hạn	1,725	1,726	1,714	3,116	3,117
Tài sản dài hạn khác	1,933	1,899	1,658	1,627	1,658
Lợi thế thương mại	3,273	3,061	2,849	2,218	1,987
Nợ phải trả	**200,817**	**191,406**	**190,473**	**185,951**	**186,651**
Nợ ngắn hạn	**100,680**	**106,078**	**105,346**	**100,873**	**103,476**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30,751	37,674	36,946	32,164	32,321
Phải trả người bán ngắn hạn	9,095	9,006	8,509	8,429	8,013
Nợ dài hạn	100,137	85,328	85,127	85,078	83,175
Vay và nợ thuê dài hạn	28,464	22,163	24,586	27,094	29,510
Nguồn vốn chủ sở hữu	**37,975**	**40,623**	**47,708**	**48,855**	**51,968**
Vốn chủ sở hữu	**37,975**	**40,623**	**47,708**	**48,855**	**51,968**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	19,501	19,501	19,501
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)